

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2014/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa
văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa,
gia đình, thể dục, thể thao và du lịch**

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

2. Việc kiểm tra, xử lý văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình,

thể dục, thể thao và du lịch thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định từ Khoản 1 đến Khoản 22 Điều 3 Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi chung là cơ quan thuộc Bộ); các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

Điều 3. Gửi và tiếp nhận văn bản để kiểm tra

1. Đối với các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 và 2 Điều 16 Thông tư này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo (đối với văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc cơ quan ban hành văn bản (đối với văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của các Bộ khác, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 01 bản (qua Vụ Pháp chế) để tổ chức kiểm tra.

2. Đối với các văn bản quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 8; Khoản 3 và 4 Điều 16 Thông tư này, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản hoặc yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các cơ quan thông tin đại chúng về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, các cơ quan thuộc Bộ có trách nhiệm thông báo và chuyển các tài liệu có liên quan cho Vụ Pháp chế để tổ chức kiểm tra.

Điều 4. Cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa bản, Vụ Pháp chế lập danh sách cộng tác viên trên cơ sở đề xuất của các cơ quan thuộc Bộ và các tổ chức có liên quan.

2. Cộng tác viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau:

- a) Có trình độ, hiểu biết pháp luật, hiểu biết về một hoặc các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch;
- b) Có kinh nghiệm về công tác xây dựng và kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản;
- c) Có thâm niên công tác thuộc lĩnh vực đang đảm nhiệm từ 03 năm trở lên.

3. Cộng tác viên có thể được lựa chọn ở các cơ quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc các cơ quan, tổ chức khác.

Điều 5. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

1. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng ban hành các Kế hoạch của Bộ theo định kỳ, hàng năm, hoặc theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực; chủ trì và phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ tổ chức thực hiện Kế hoạch, bao gồm:

- Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
- Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- Kế hoạch rà soát văn bản pháp luật;
- Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Trong trường hợp xây dựng Kế hoạch hàng năm, có thể kết hợp xây dựng nhiều kế hoạch với nhau; không xây dựng nhiều kế hoạch với nội dung hoạt động trùng, lặp.

b) Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các Kế hoạch.

2. Các cơ quan thuộc Bộ căn cứ vào các Kế hoạch quy định tại Khoản 1 Điều này để xây dựng Kế hoạch của cơ quan mình; phối hợp với Vụ Pháp chế tổ chức, thực hiện Kế hoạch do Bộ và cơ quan mình ban hành; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

Điều 6. Chế độ báo cáo công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Báo cáo 6 tháng về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan thuộc Bộ gửi về Bộ (qua Vụ Pháp chế) chậm nhất ngày 01 tháng 6 hàng năm; Báo cáo năm gửi chậm nhất ngày 05 tháng 10 hàng năm.

2. Vụ Pháp chế chủ trì tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Bộ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Cơ sở dữ liệu rà soát, hệ thống hóa phục vụ kiểm tra, xử lý văn bản

Vụ Pháp chế có trách nhiệm xây dựng, quản lý, thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu rà soát, hệ thống hóa làm cơ sở pháp lý phục vụ cho việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

Chương II

TỰ KIỂM TRA, XỬ LÝ

VĂN BẢN TRÁI PHÁP LUẬT QUA TỰ KIỂM TRA

Điều 8. Các loại văn bản thuộc thẩm quyền tự kiểm tra của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành dưới hình thức Thông tư, Thông tư liên tịch với các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ khác hoặc với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trước đây và văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành hoặc liên tịch ban hành trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trước ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 01 năm 2009) nhưng đến thời điểm kiểm tra vẫn còn hiệu lực pháp luật.

3. Văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành hoặc liên tịch ban hành có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

4. Văn bản có thể thức, nội dung như văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ ban hành trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch hoặc do Thủ trưởng các cơ quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

Điều 9. Trách nhiệm tự kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối, giúp Bộ trưởng tổ chức tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền tự kiểm tra của Bộ trưởng quy định tại Điều 8 Thông tư này;

b) Tổ chức tự kiểm tra văn bản do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo và đề xuất hình thức xử lý đối với văn bản có nội dung trái pháp luật;

c) Gửi thông báo đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuộc Bộ hoặc kiến nghị Bộ trưởng thông báo tới cơ quan ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật để các cơ quan tổ chức tự kiểm tra đối với văn bản có dấu hiệu trái pháp luật đó;

d) Tham gia xử lý và giải trình; theo dõi kết quả tự kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật của cơ quan chủ trì soạn thảo thuộc Bộ;

Nếu cơ quan đã ban hành văn bản không kiểm tra, xử lý hoặc kết quả xử lý không đáp ứng yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với văn bản có nội dung trái pháp luật.

2. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Bộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức tự kiểm tra hoặc phối hợp với Vụ Pháp chế tiến hành tự kiểm tra đối với các văn bản do cơ quan mình chủ trì soạn thảo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

b) Phối hợp với Vụ Pháp chế đề xuất việc xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do cơ quan mình chủ trì soạn thảo và dự thảo nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản có dấu hiệu trái pháp luật;

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả tự kiểm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Điều 10. Trình tự thực hiện tự kiểm tra của Vụ Pháp chế

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo được ban hành hoặc kể từ ngày Vụ Pháp chế tiếp nhận văn bản kiểm tra, Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra văn bản.

2. Đối với văn bản khi kiểm tra phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật, người kiểm tra lập hồ sơ về văn bản có nội dung trái pháp luật. Hồ sơ gồm:

a) Cơ sở pháp lý để kiểm tra;

b) Phiếu kiểm tra văn bản theo mẫu số 01/BTP/KTrVB ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là: Thông tư số 20/2010/TT-BTP; Nghị định số 40/2010/NĐ-CP);

c) Văn bản được kiểm tra;

d) Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung Báo cáo kết quả tự kiểm tra thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP;

đ) Các văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật;

e) Dự thảo văn bản xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật;

g) Dự thảo văn bản bổ sung, sửa đổi, thay thế (nếu có);

h) Các tài liệu khác có liên quan đến việc xử lý văn bản.

3. Trên cơ sở kết quả tự kiểm tra, Vụ trưởng Vụ Pháp chế ký báo cáo kết quả tự kiểm tra và đề xuất hình thức xử lý (đối với văn bản do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo) hoặc gửi thông báo cho cơ quan chủ trì soạn thảo thuộc Bộ về nội dung